

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 1268/QĐ-HVYDHCTVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-BYT ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/7/2006 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú;

Thông tư số 07/2015/TT - BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 551A/KH-HVYDHCTVN ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 15 tháng 12 năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chương trình này được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2018.

Điều 2. Các đơn vị liên quan có nhiệm vụ tổ chức quản lý, điều hành; biên soạn đề cương chi tiết học phần; biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập cho phù hợp.

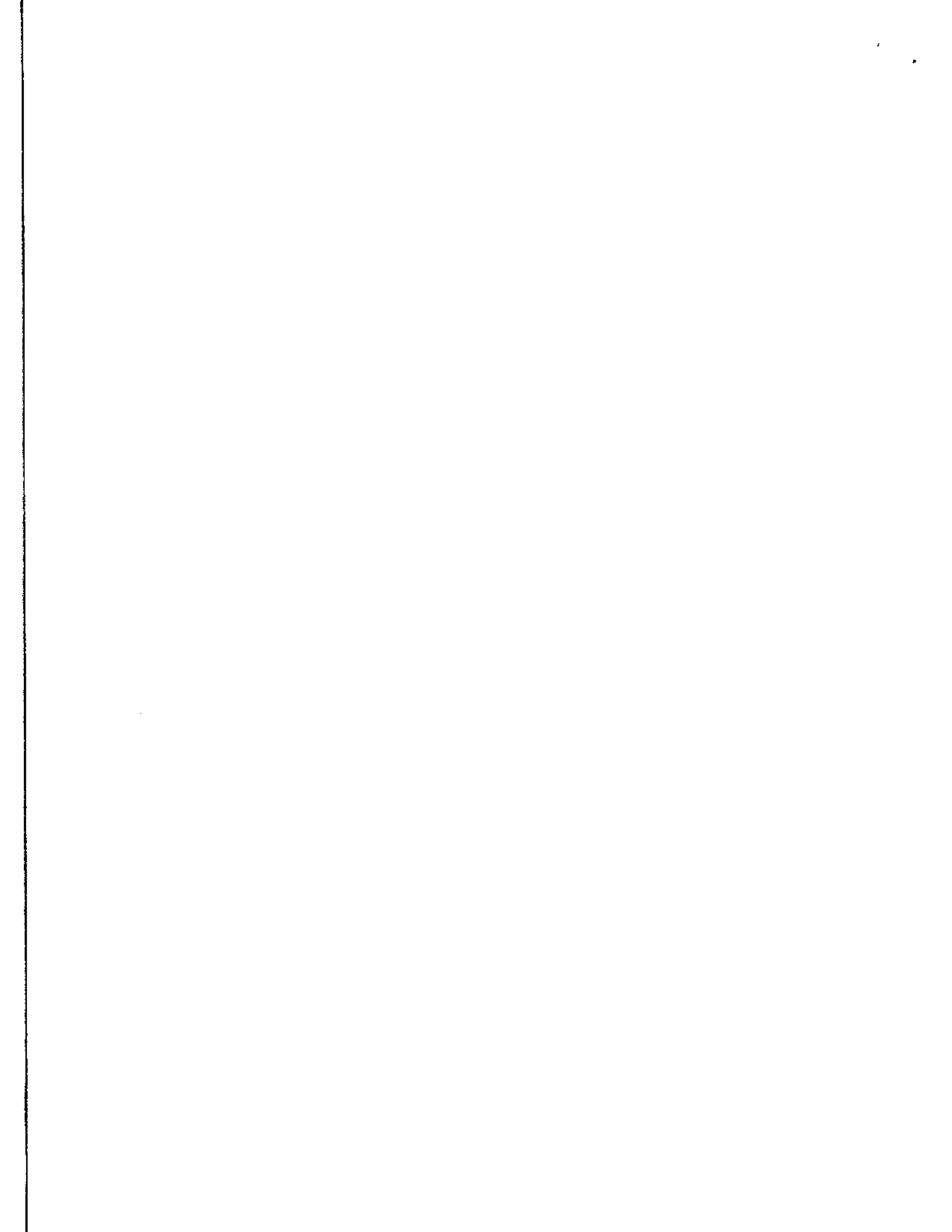
Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo Sau đại học, Kiểm định chất lượng đào tạo, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính quản trị, Tài chính kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Đăng Website của Học viện;
- Lưu: VT, ĐTSDH.

GIÁM ĐỐC


Đâu Xuân Cảnh



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ
Y HỌC CỔ TRUYỀN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1268/QĐ-HVYDHCTVN ngày 21 tháng 12 năm 2018
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Tên ngành đào tạo: **Y HỌC CỔ TRUYỀN (TRADITIONAL MEDICINE)**

Mã ngành đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền

Trình độ đào tạo: Bác sĩ nội trú

Thời gian đào tạo: 3 năm

Loại hình đào tạo: Chính quy

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức rộng về y học sở và kiến thức chuyên ngành sâu, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp cao; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, ra quyết định giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại; có khả năng đào tạo cán bộ y tế, học viên, sinh viên trong lĩnh vực y học cổ truyền.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Hệ thống được kiến thức cơ bản, cập nhật được kiến thức y học cổ truyền, y học hiện đại trong thực hành nghề nghiệp.
- Vận dụng kiến thức lý luận y học cổ truyền và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng và nghiên cứu khoa học theo y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.
- Vận dụng được kiến thức về tin học trong thực hành nghề nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

- Chẩn đoán bệnh theo phương pháp y học cổ truyền, y học hiện đại và điều trị, dự phòng một số bệnh thường gặp thuộc các chuyên khoa bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

- Thực hành thành thạo các thủ thuật, thao tác điều trị bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.
- Có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và đào tạo các đối tượng trung học, đại học thuộc chuyên ngành y học cổ truyền tại đơn vị công tác.
- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.
- Phối hợp tốt với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.
- Sử dụng được một số phần mềm thống kê áp dụng trong nghiên cứu y học.

1.2.3. Thái độ

- Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an toàn - chất lượng của người bệnh và của cộng đồng.
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp.
- Trung thực, khách quan có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền một cách khoa học và có hiệu quả.
- Quảng bá hình ảnh người bác sĩ qua cam kết làm việc theo các tiêu chuẩn thực hành lâm sàng tốt, thực hiện trách nhiệm xã hội với tác phong chuyên nghiệp, đạo đức, lối sống lành mạnh và văn hóa giao tiếp, ứng xử tốt.

II. CHUẨN ĐẦU RA

1. Yêu cầu về kiến thức

CĐR1. Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chiến lược phát triển khoa học.

CĐR2. Xác định được vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong nghiên cứu khoa học; xác định phương pháp và giải pháp để giải quyết vấn đề; biết cách triển khai và điều chỉnh giải pháp trong quá trình ứng dụng thực tiễn.

CĐR3. Vận dụng được kiến thức y học cơ sở, lý luận y học cổ truyền và chuyên ngành trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng theo y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

CDR 4. Đạt trình độ một ngoại ngữ sau (tiếng Trung HSK4 hoặc tiếng Anh B2 - bậc 4/6 theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương).

CDR5. Vận dụng được kiến thức về phương pháp giảng dạy để hướng dẫn đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

2. Yêu cầu về kỹ năng

CDR6. Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.

CDR7. Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh, phục hồi sức khỏe cho người bệnh bằng phương pháp y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại.

CDR8. Chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị các bệnh thông thường.

CDR9. Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong điều trị bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại.

CDR10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

CDR11. Có khả năng hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện nghiệp vụ chuyên môn.

CDR12. Sử dụng được một số thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị các bệnh thông thường.

CDR13. Có kỹ năng tự học, khả năng thực hiện độc lập đề tài nghiên cứu khoa học; kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu.

CDR14. Có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động tại đơn vị công tác.

CDR15. Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.

CDR16. Phối hợp với đồng nghiệp cung cấp các dịch vụ y tế cho người bệnh.

3. Yêu cầu về thái độ

CDR17. Tinh thần cầu tiến, học hỏi, luôn tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

CDR18. Tinh thần trung thực và trách nhiệm cao trong học thuật, nghiên cứu và làm việc hàng ngày.

CDR19. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

CDR20. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp. Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp.

CDR21. Tinh thần tập thể, thái độ sẵn sàng tham gia các công tác chuyên môn để phục vụ các yêu cầu của cộng đồng.

III. VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nghiên cứu (Bệnh viện YHCT, viện YHCT, khoa YHCT của bệnh viện Đa khoa và các cơ sở y tế khác)
- Các cơ sở giáo dục đào tạo, các cơ quan quản lý, các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ.

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

- Bác sĩ chuyên khoa II YHCT
- Tiến sĩ YHCT

V. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Học phần chung	10	
2	Học phần cơ sở và hỗ trợ	18	
3	Học phần chuyên ngành YHCT	10	
4	Các học phần tự chọn chuyên ngành YHCT	37	
5	Luận văn	25	
	Thi tốt nghiệp (Lý thuyết + Lâm sàng)		
Khối lượng kiến thức toàn khóa		100	

01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại các phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, 60 tiết thực tập cộng đồng, giáo dục quốc phòng.

5.2. Danh mục các học phần/môn học bắt buộc

5.2.1. Học phần chung

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Triết học Mác - Lê Nin	3.0
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	5.0
3	Tin học ứng dụng	2.0
Tổng cộng		10.0

5.2.2. Các học phần/môn học cơ sở và hỗ trợ

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Các tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền (Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Nội kinh, Nạn Kinh, Kim quỹ yếu lược Thương hàn luận).	4.0
2	Phương pháp giảng dạy đại học	3.0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.0
4	Hồi sức cấp cứu	8.0
Tổng cộng		18.0

5.2.3. Các học phần/môn học chuyên ngành YHCT

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Phương tễ học lâm sàng (tích hợp trong điều trị)	2.0
2	Châm cứu (tích hợp trong điều trị)	4.0
3	Khí công - Dưỡng sinh - XBBH (tích hợp trong điều trị)	4.0
Tổng cộng		10.0

5.2.4. Các học phần/môn học tự chọn chuyên ngành YHCT (chọn 37 tín chỉ)

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
Y học hiện đại (chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau)		
1	Chuyên ngành Nội khoa (Hô hấp - Tim mạch - Tiêu hóa - Thận Tiết niệu - Cơ xương khớp - Huyết học - Nội tiết)	12
2	Chuyên ngành Ngoại khoa	12
Y học cổ truyền (chọn một trong các chuyên ngành sau)		
1	Chuyên ngành Nội	25.0
2	Chuyên ngành Ngoại	25.0
3	Chuyên ngành Nhi	25.0
4	Chuyên ngành Phụ sản	25.0

5.2.5. Thi tốt nghiệp + Luận văn tốt nghiệp

TT	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ
1	Luận văn	25.0
2	Thi tốt nghiệp (Lý thuyết + Lâm sàng)	
Tổng cộng		25.0

5.3. Mã học phần/môn học và phân bố theo năm học

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết	Năm học
1	HVTR	Triết học Mác - Lê Nin	3.0		1
2	HVNN	Ngoại ngữ chuyên ngành	5.0		1
3	HVTH	Tin học ứng dụng	2.0		
4	HVTP	Các tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền (Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Nội kinh, Nạn Kinh, Kim quỹ yếu lược Thương hàn luận)	4.0		1
5	HVSP	Phương pháp giảng dạy đại học	3.0		1
6	HVNC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.0		1
7	HVHS	Hồi sức cấp cứu	7.0		1
8	HVPT	Phương tễ học lâm sàng (tích hợp trong điều trị)	2.0		2
9	HVCC	Châm cứu (tích hợp trong điều trị)	4.0		2
10	HVKC	Khí công - Dưỡng sinh -XBBH (tích hợp trong điều trị)	4.0		1
11	Y học hiện đại (chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau)				
	HVNK	Chuyên ngành Nội khoa (Hô hấp - Tim mạch - Tiêu hóa - Thận Tiết niệu - Cơ xương khớp - Huyết học - Nội tiết)	12		2
Hoặc	HVNK	Chuyên ngành Ngoại khoa	12		2
12	Y học cổ truyền (chọn một trong các chuyên ngành sau)				
	HVNO	Chuyên ngành Nội	25.0		3
Hoặc	HVNG	Chuyên ngành Ngoại	25.0		3
Hoặc	HVNH	Chuyên ngành Nhi	25.0		3
Hoặc	HVPS	Chuyên ngành Phụ sản	25.0		3
13		Luận văn	25.0		3
		Thi tốt nghiệp (Lý thuyết + Lâm sàng)			3

VI. CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU

Thực tập lâm sàng và thực tập nghề nghiệp

- Bệnh viện Tuệ Tĩnh - Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.
- Các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện YHCT Trung ương, BV Châm cứu Trung ương, BV YHCT Quân đội, BV YHCT Bộ công an, BV đa khoa YHCT Hà Nội, BV YHCT Hà Đông, BV E, BV 198, Bệnh viện Bạch Mai. Bệnh viện Việt Đức.

VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền gồm 100 tín chỉ, chia làm 3 khối kiến thức: Kiến thức chung (10 tín chỉ), kiến thức cơ sở và hỗ trợ (18 tín chỉ), kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại (72 tín chỉ, trong đó 25 tín chỉ tự chọn). Kiến thức chung nhằm trang bị cho người học khả năng vận dụng kiến thức về triết học, đường lối, chính sách của Đảng trong thực hành nghề nghiệp; khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về các tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền, sinh lý bệnh - miễn dịch, hồi sức cấp cứu, phương pháp dạy học, phương pháp nghiên cứu khoa học; khối kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại (bắt buộc và tự chọn) nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu đáp ứng nhu cầu người học. Luận văn gồm 25 tín chỉ nhằm tạo cơ hội để người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học trong thực hành nghiên cứu khoa học.

2. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, Team Based- Learning, viết chuyên đề, làm bài tập nhóm, thực hành, seminar ... tăng cường tính chủ động của người học thông qua việc hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu.

3. Đánh giá các môn học/học phần

Tùy theo các học phần, ngoài việc đánh giá quá trình học tập của người học do giảng viên đánh giá, mỗi học phần đều được đánh giá thông qua thi kết thúc học phần.

Hình thức thi, kiểm tra hướng tới đánh giá năng lực người học.

Các môn học có cả lý thuyết và thực hành: căn cứ vào tỷ lệ từng phần để tổng hợp thành điểm chung.

Các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6 điểm, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5 điểm).

Học viên có ít hơn hoặc bằng 1/3 số chứng chỉ không đạt, được thi lần hai; có quá 1/3 chứng chỉ không đạt hoặc có bất kỳ chứng chỉ nào thi lần hai không đạt, buộc phải thôi học.

4. Thi tốt nghiệp

4.1. Điều kiện thi tốt nghiệp: Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi đã hoàn thành chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền, đạt điểm kết thúc các môn học/học phần quy định và không vi phạm kỷ luật trong quá trình học tập.

4.2. Thi tốt nghiệp gồm bảo vệ luận văn, môn chuyên ngành, môn ngoại ngữ

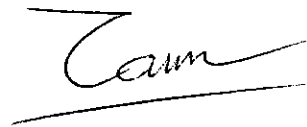
a) Bảo vệ luận văn: Luận văn được trình bày trước Hội đồng chấm luận văn trong 20 phút

b) Môn thi chuyên ngành: thi lý thuyết và thực hành. Điểm mỗi phần được giữ độc lập.

c) Môn ngoại ngữ: bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, có phần ngoại ngữ chuyên ngành.

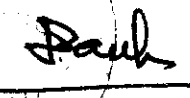
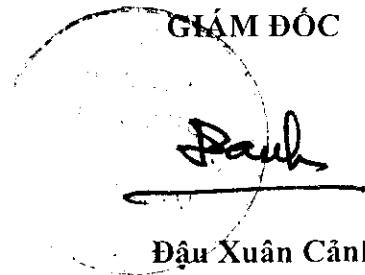
Các điểm thi tốt nghiệp đều phải đạt từ 7 điểm trở lên (thang điểm 10).

TRƯỞNG PHÒNG ĐT SAU ĐẠI HỌC



Trần Thị Minh Tâm

GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh